

Số: /ĐHNN-ĐT
V/v ban hành cấu trúc đề thi Olympic
bậc THPT năm 2021

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Đại học Quốc gia Hà Nội

Thực hiện Công văn số 4223/ĐHQGHN-ĐT ngày 22/12/2021 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc chuẩn bị công tác tổ chức kỳ thi Olympic bậc THPT năm 2021 của ĐHQGHN, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN có ý kiến như sau:

- Đính kèm công văn này Cấu trúc đề thi Olympic bậc THPT năm 2021 các môn Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn (*phụ lục kèm theo*).
- Đề xuất tổ chức thi môn Ngoại ngữ vào chiều Chủ Nhật, ngày 20/3/2022.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Hiệu trưởng (để thực hiện);
- Trường THPT CNN (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, ĐT, Tr02.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Tuấn Minh

PHỤ LỤC. CẤU TRÚC ĐỀ THI NGOẠI NGỮ KỲ THI OLYMPIC BẬC THPT NĂM 2021 CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

MIÊU TẢ CHUNG

Số bài thi: 2

Hình thức: Trắc nghiệm và Tự luận

- ✓ Bài trắc nghiệm: 45 phút, 60 câu hỏi
- ✓ Bài nói: 8 phút/thí sinh

Tổng điểm: 100 điểm

- ✓ Bài trắc nghiệm: 60 điểm
- ✓ Bài nói: 40 điểm

Thời gian: Cả 2 bài thi được tiến hành trong cùng một buổi sáng/chiều.

MIÊU TẢ CHI TIẾT

1. BÀI TRẮC NGHIỆM

Thời gian làm bài: 45 phút

Số câu hỏi: 60

Điểm số: 60 điểm, mỗi câu trả lời đúng được tính 01 điểm

Hình thức làm bài: Thí sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm

Hình thức chấm thi: Quét bài thi bằng máy chấm trắc nghiệm chuyên dụng

Số phần thi: 3

✓ **Phần 1** (30 câu): Kiểm tra năng lực ngôn ngữ thông qua các câu hỏi về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, viết câu, ví dụ như: xác định cách phát âm hoặc trường độ của các nguyên âm hoặc phụ âm trong từ; xác định trọng âm; xác định từ/cụm từ đồng nghĩa/trái nghĩa; xác định chức năng ngữ pháp của từ/cụm từ trong câu, xác định câu đồng nghĩa/cận nghĩa; tìm lỗi sai trong câu. Các câu hỏi có độ khó dài từ bậc 3 đến bậc 6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (KNLNNVN).

✓ **Phần 2** (20 câu): Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu thông qua 4 bài đọc có độ dài khoảng 300-500 từ về các lĩnh vực khác nhau như văn hóa, y tế, giáo dục, lịch sử, xã hội, kinh tế và khoa học. Các bài đọc có độ khó ngôn ngữ ở bậc 4 và bậc 5 theo KNLNNVN. Các câu hỏi có độ khó dài từ bậc 3 đến bậc 6 theo KNLNNVN. Các câu hỏi kiểm tra các tiểu kỹ năng đọc hiểu, ví dụ như: khả năng đọc văn bản lấy ý chính; xác định cấu trúc văn bản; hiểu mục đích, thái độ, quan điểm của tác giả; hiểu thông tin chi tiết; xác định nghĩa của từ và cụm từ trong văn bản; hiểu thông tin chứa hình ảnh.

✓ **Phần 3** (10 câu): Kiểm tra năng lực ngôn ngữ thông qua các câu hỏi suy luận, tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống. Các câu hỏi có độ khó dài từ bậc 2 đến bậc 6.

2. BÀI NÓI

Thời gian: 8 phút/ thí sinh

- ✓ 3 phút chuẩn bị
- ✓ 5 phút trình bày

Điểm số: 40 điểm

Nội dung kiến thức kiểm tra: Thí sinh trình bày hiểu biết, ý kiến, quan điểm về 01 chủ đề đương đại, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi.

Kỹ năng kiểm tra: Bài nói được xây dựng nhằm đánh giá khả năng trình bày ý kiến, lập luận, tổng hợp thông tin, diễn giải, tranh biện của thí sinh; khả năng chứng minh lập luận bằng dẫn chứng; khả năng kết nối thông tin; khả năng sử dụng cấu trúc, từ vựng; khả năng phát âm và sử dụng ngữ điệu trong trình bày.

Hình thức chấm thi: Bài Nói của thí sinh được ghi âm và chấm 2 vòng độc lập.

- ✓ Vòng 1: 01 giám khảo chấm trực tiếp tại buổi thi
- ✓ Vòng 2: 01 giám khảo chấm bản ghi âm

Bài nói của thí sinh được chấm vận dụng theo quy định hiện hành của Quy chế thi THPT Quốc Gia đối với chấm bài thi tự luận.

✓ Nếu điểm bài nói lệch nhau dưới 4 điểm (trên thang 40), hai cán bộ chấm thi thảo luận thống nhất điểm hoặc lấy điểm trung bình cộng của 2 giám khảo.

✓ Nếu lệch từ 4 đến 6 điểm, hai cán bộ thảo luận và ghi lại bằng biên bản, báo cáo trưởng môn chấm thi để thống nhất điểm. Nếu đối thoại không thống nhất được điểm, trưởng môn chấm thi sẽ quyết định.

✓ Nếu điểm toàn bài chênh lệch giữa hai lần chấm trên 6, trưởng môn chấm thi tổ chức chấm lần thứ ba. Sau ba lần chấm, nếu kết quả hai trong ba lần giống nhau, trưởng môn lấy điểm giống nhau làm điểm chính thức. Nếu kết quả ba lần chấm lệch nhau lớn nhất đến 10 điểm, trưởng môn chấm thi lấy điểm trung bình cộng ba lần chấm làm điểm chính thức.

✓ Nếu kết quả chấm lệch nhau lớn nhất trên 10 điểm, trưởng môn tổ chức chấm tập thể. Các cán bộ chấm thi cùng trưởng môn ghi rõ họ tên và ký vào biểu chấm bài nói của thí sinh. Điểm chấm cuối cùng là điểm chính thức của bài Nói của thí sinh.

Quy trình tiến hành bài thi nói:

Tại phòng chờ:

- ✓ Toàn bộ thí sinh tập trung tại các phòng chờ thi nói.
- ✓ Thí sinh không được phép sử dụng các thiết bị truyền tin như điện thoại, máy tính.

Tại phòng thi:

- ✓ Đến ca thi, thí sinh được gọi vào phòng thi.
- ✓ Mỗi phòng thi được bố trí 01 giám khảo, 01 camera giám sát và ghi hình, 01 máy ghi âm.
- ✓ Vào phòng thi, thí sinh xuất trình giấy tờ tùy thân/ thẻ dự thi theo quy định.
- ✓ Thí sinh nhận đề thi.
- ✓ Thí sinh nhận giấy, bút và được chuẩn bị trong 03 phút.
- ✓ Hết 03 phút, giám khảo yêu cầu thí sinh trình bày phần trả lời của mình.
- ✓ Thí sinh có 05 phút để trình bày bài nói.
- ✓ Kết thúc bài thi nói, thí sinh nộp lại đề thi, giấy nháp, bút viết cho giám khảo trong phòng thi.
- ✓ Giám khảo đảm bảo thí sinh thực hiện đúng quy trình trong phòng thi; chấm phần trả lời của thí sinh và ghi âm bài thi nói của thí sinh.

CẤU TRÚC BÀI THI TRẮC NGHIỆM

TIẾNG ANH

Phần	Dạng bài	Số câu hỏi
PHẦN 1 (30 câu)	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ có phần gạch chân phát âm khác với với những từ còn lại.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ có vị trí trọng âm chính khác với những từ còn lại.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ gần nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ đúng nhất để hoàn thành câu.	9
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa trật tự đúng của các lượt lời trong hội thoại.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa câu đồng nghĩa/cận nghĩa nhất với câu/cặp câu đã cho.	3
PHẦN 2 (20 câu)	Bài đọc 1 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 2 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 3 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 4 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
PHẦN 3 (10 câu)	Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để trả lời các câu hỏi suy luận, tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống.	10

TIẾNG NGA

Phần	Dạng bài	Số câu hỏi
PHẦN 1 (30 câu)	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) đúng nhất để trả lời các câu hỏi kiểm tra cách biến đổi và cách sử dụng của danh từ, tính từ, số từ, đại từ, từ để hỏi ở 6 cách.	10
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ đúng nhất hoàn thành chỗ trống trong câu. Các câu hỏi kiểm tra cách sử dụng tính từ ngắn, tính từ dài, tính từ so sánh, tính động từ, trạng động từ, cách sử dụng thể động từ, động từ chuyển động, ý nghĩa từ vựng, cú pháp câu đơn, câu phức.	10
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ gần nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa câu đồng nghĩa/cận nghĩa nhất với câu/cặp câu đã cho.	4
PHẦN 2 (20 câu)	Bài đọc 1 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5

	Bài đọc 2 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 3 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 4 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
PHẦN 3 (10 câu)	Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để trả lời các câu hỏi suy luận, tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống.	10

TIẾNG PHÁP

Phần	Dạng bài	Số câu hỏi
PHẦN 1 (30 câu)	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ đúng nhất để hoàn thành chỗ trống trong câu.	15
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	5
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ gần nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa câu đồng nghĩa/cận nghĩa nhất với câu/cặp câu đã cho.	4
PHẦN 2 (20 câu)	Bài đọc 1 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 2 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 3 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 4 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
PHẦN 3 (10 câu)	Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để trả lời các câu hỏi suy luận, tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống.	10

TIẾNG TRUNG QUỐC

Phần	Dạng bài	Số câu hỏi
PHẦN 1 (30 câu)	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ đúng nhất để hoàn thành chỗ trống trong câu.	15
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	5
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ gần nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa câu đồng nghĩa/cận nghĩa nhất với câu/cặp câu đã cho.	4
PHẦN 2 (20 câu)	Bài đọc 1 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 2 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5

	Bài đọc 3 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 4 (khoảng 300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
PHẦN 3 (10 câu)	Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để trả lời các câu hỏi suy luận, tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống.	10

TIẾNG ĐỨC

Phần	Dạng bài	Số câu hỏi
PHẦN 1 (30 câu)	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ có phần gạch chân phát âm khác với với những từ còn lại.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ có vị trí trọng âm chính khác với những từ còn lại.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ gần nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ đúng nhất để hoàn thành câu.	12
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa câu đồng nghĩa/cận nghĩa nhất với câu/cặp câu đã cho.	3
PHẦN 2 (20 câu)	Bài đọc 1 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 2 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 3 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 4 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
PHẦN 3 (10 câu)	Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để trả lời các câu hỏi suy luận, tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống.	10

TIẾNG NHẬT

Phần	Dạng bài	Số câu hỏi
PHẦN 1 (30 câu)	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) là cách đọc đúng của từ viết bằng chữ Hán được gạch chân trong câu.	4
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) là cách viết chữ Hán đúng của từ được gạch chân trong câu.	4
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ gần nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) là câu có cách sử dụng đúng của từ cho sẵn.	4
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ đúng nhất để hoàn thành câu.	8

	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa câu đồng nghĩa/cận nghĩa nhất với câu/cặp câu đã cho.	4
PHẦN 2 (20 câu)	Bài đọc 1 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 2 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 3 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 4 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
PHẦN 3 (10 câu)	Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để trả lời các câu hỏi suy luận, tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống.	10

TIẾNG HÀN

Phần	Dạng bài	Số câu hỏi
PHẦN 1 (30 câu)	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) là cách viết phát âm đúng của từ cho sẵn.	4
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ gần nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	4
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	4
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa phần có lỗi sai trong câu.	4
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa từ/cụm từ đúng nhất để hoàn thành câu.	10
	Chọn phương án (A, B, C hoặc D) chứa câu đồng nghĩa/cận nghĩa nhất với câu/cặp câu đã cho.	4
PHẦN 2 (20 câu)	Bài đọc 1 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 2 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 3 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
	Bài đọc 4 (300-500 từ): Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho câu hỏi liên quan tới bài đọc.	5
PHẦN 3 (10 câu)	Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để trả lời các câu hỏi suy luận, tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống.	10